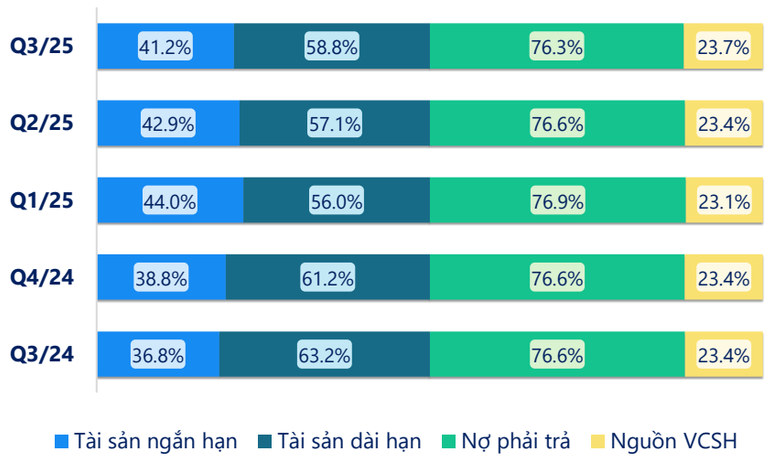
FireAnt

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	21,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,400
SL cổ phiếu LH	100,159,795
KLGD BQ 20 phiên (CP)	302,380
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,193
P/E	1076.5
EPS	20

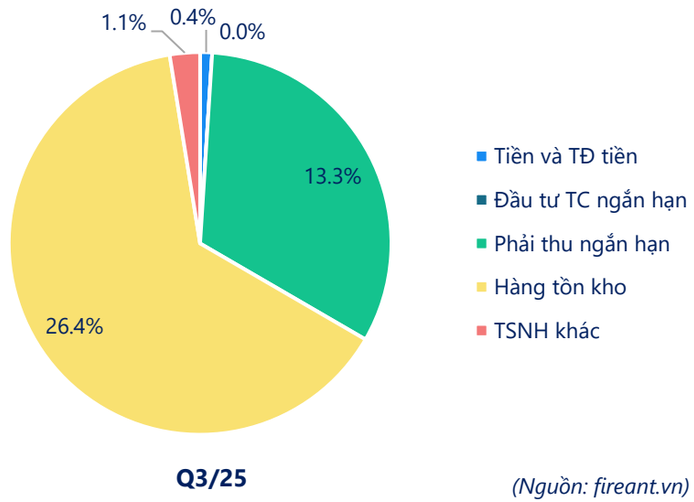
	YTD	1T	3T	6T
NBB	-1.8%	-0.7%	1.9%	-0.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



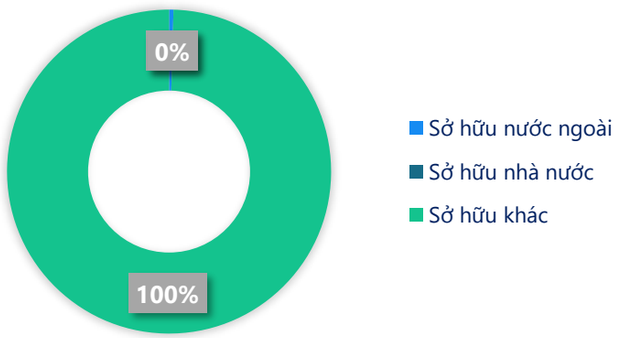
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



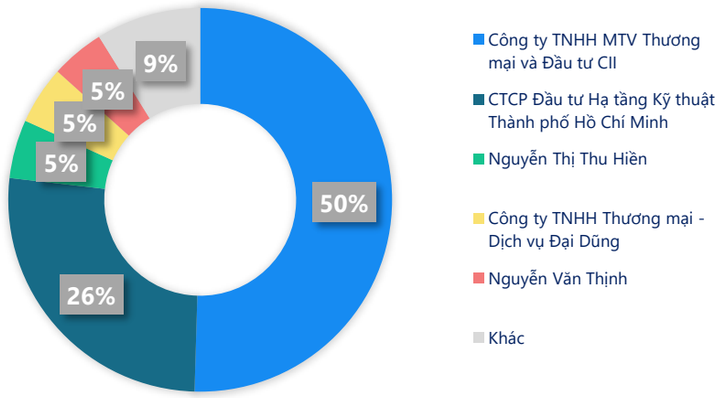
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



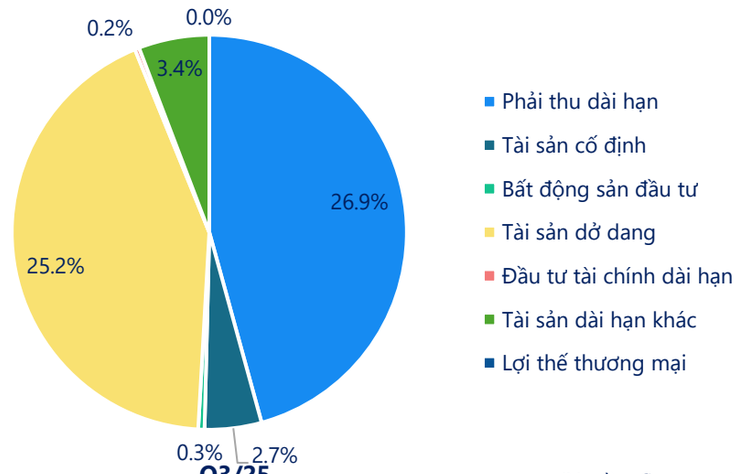
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

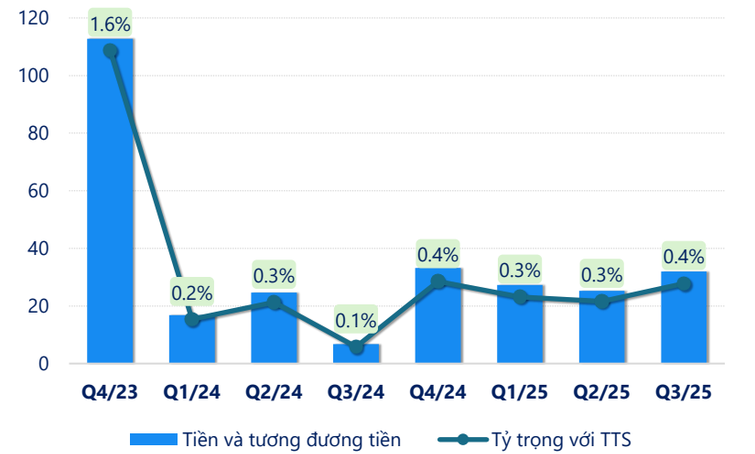


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

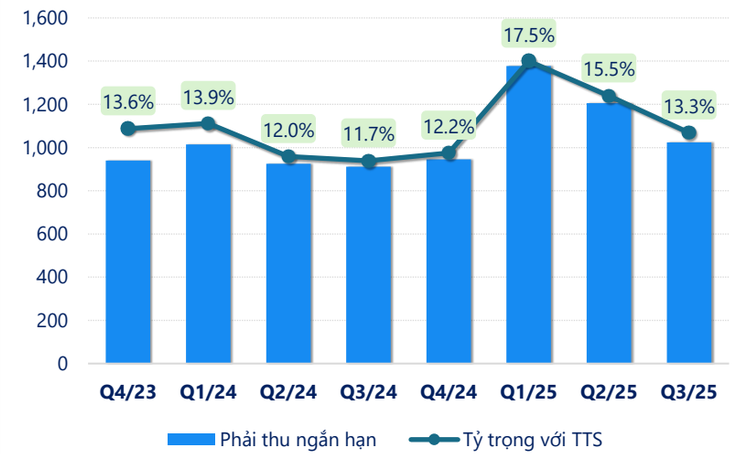
CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

Tiền và tương đương tiền



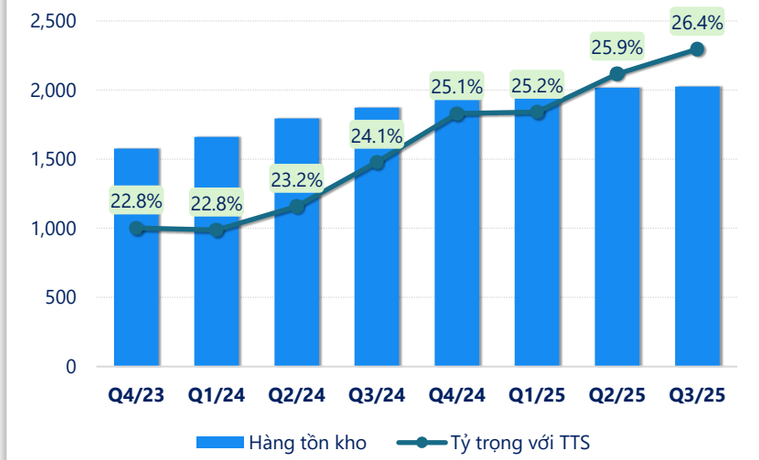
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



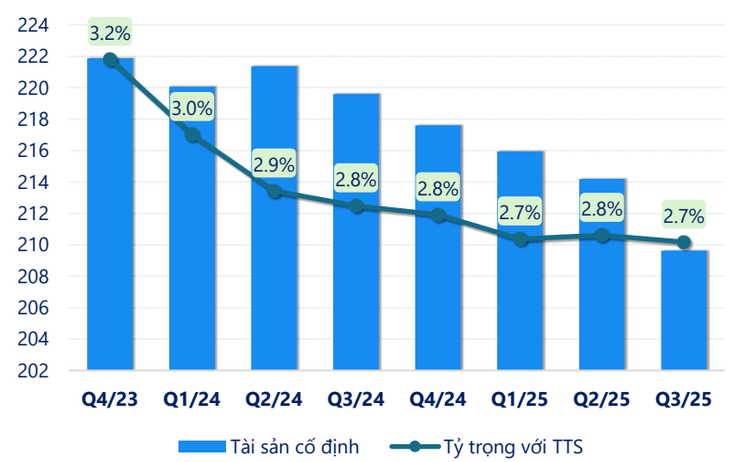
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



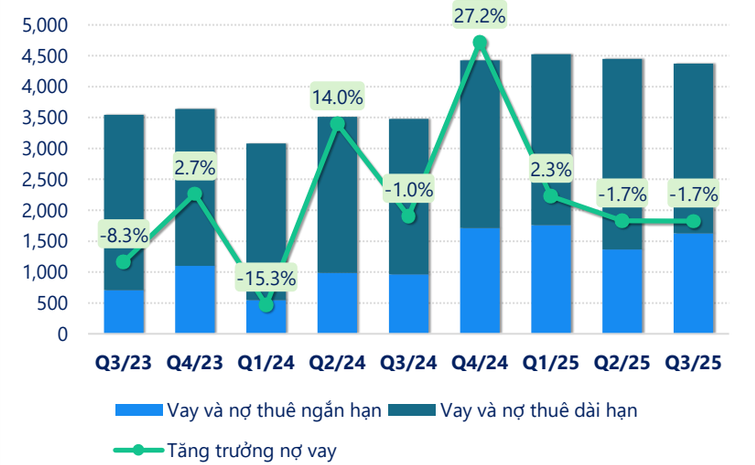
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



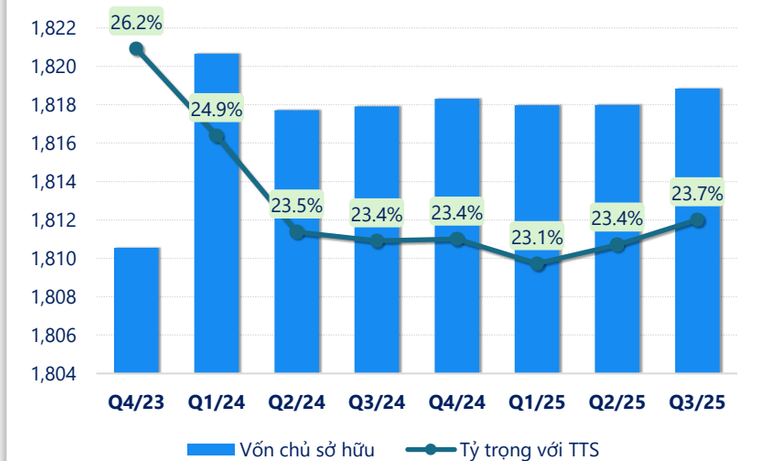
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

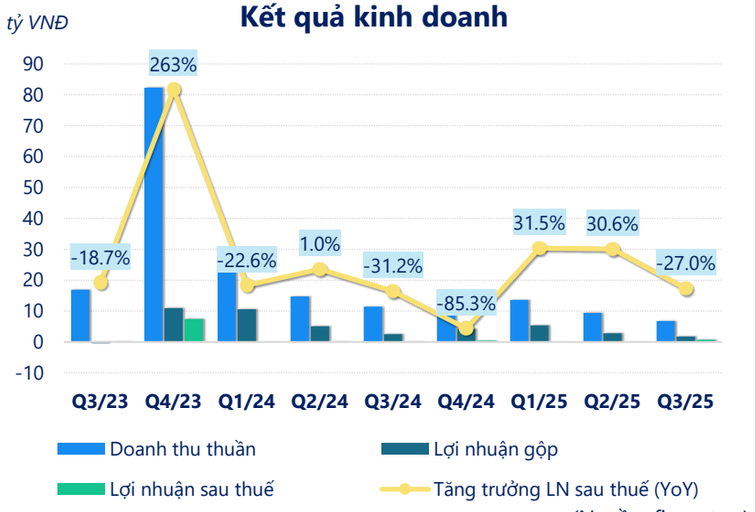


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

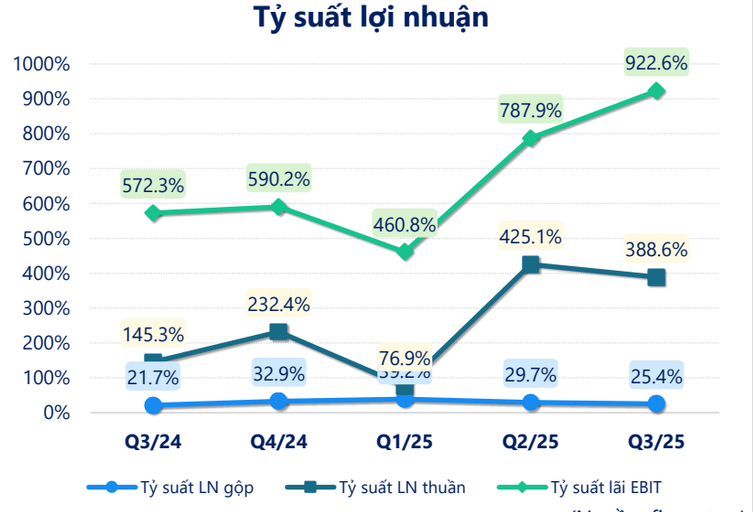
CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

Kết quả kinh doanh



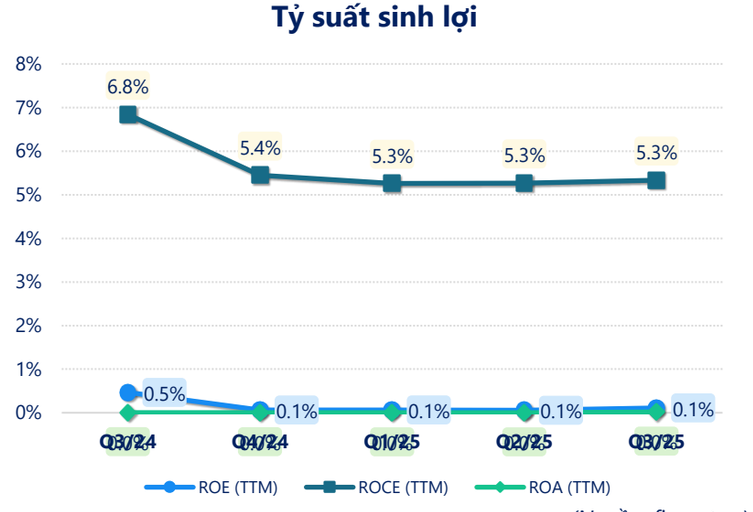
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



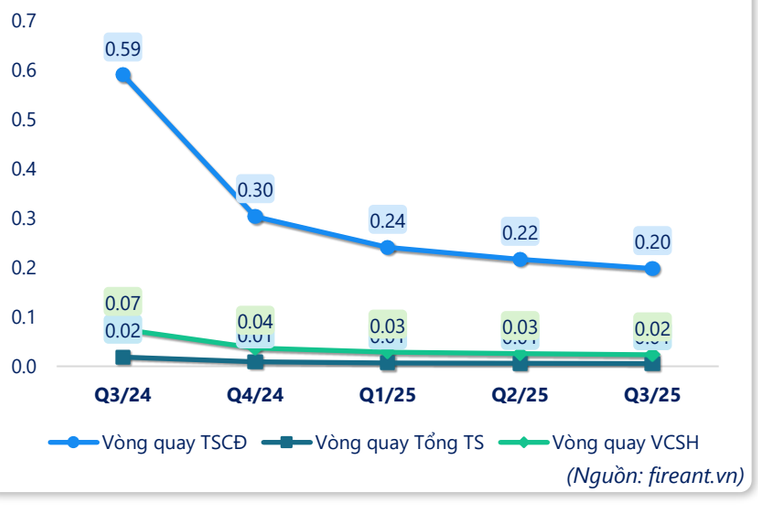
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



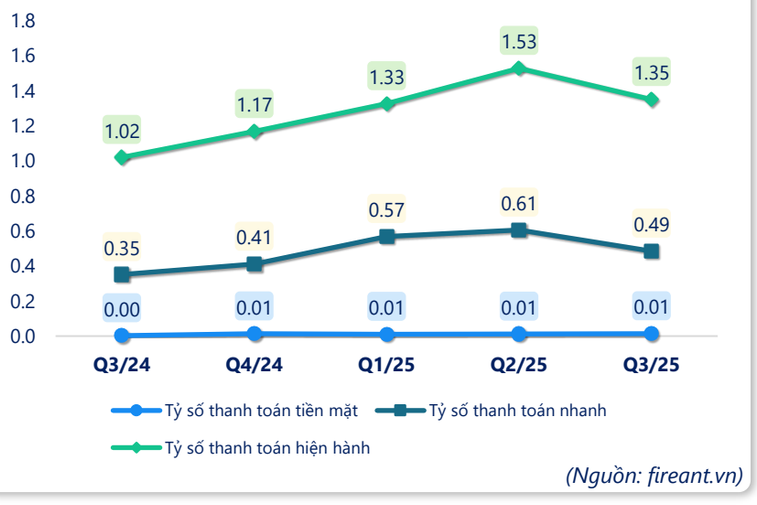
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



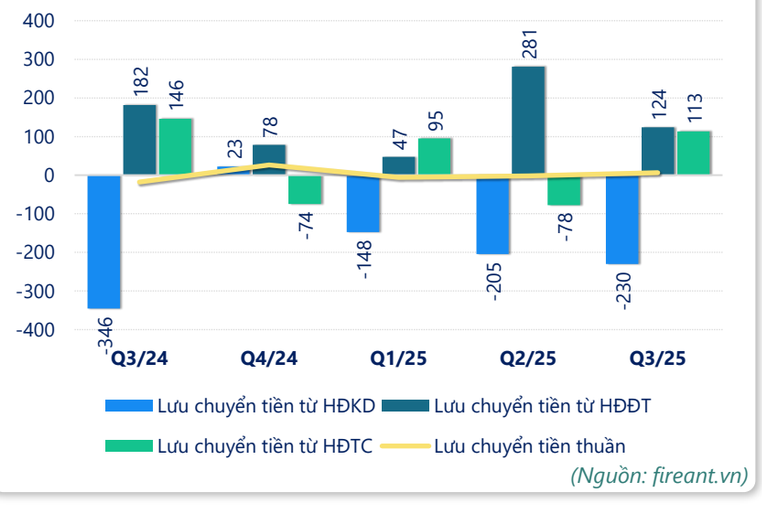
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,666**	**7,754**	**-1.1%**
Tài sản ngắn hạn	3,162	3,390	-6.7%
Tiền và tương đương tiền	32.0	33.1	-3.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	9.00	-100%
Phải thu ngắn hạn	1,023	1,345	-23.9%
Hàng tồn kho	2,026	1,932	4.9%
Tài sản ngắn hạn khác	80.7	70.7	14.1%
Tài sản dài hạn	**4,504**	**4,364**	**3.2%**
Phải thu dài hạn	2,060	2,008	2.6%
Tài sản cố định	210	218	-3.7%
Bất động sản đầu tư	23.1	24.0	-4.0%
Tài sản dở dang	1,935	1,796	7.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	16.2	36.6	-55.8%
Tài sản dài hạn khác	**261**	**248**	**5.2%**
Lợi thế thương mại	0	34.0	-100%
Nợ phải trả	5,847	5,936	-1.5%
Nợ ngắn hạn	**2,341**	**2,572**	**-9.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,624	1,718	-5.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	47.3	96.0	-50.8%
Nợ dài hạn	3,506	3,363	4.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,747	2,714	1.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,819**	**1,818**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**1,819**	**1,818**	**0.1%**
Vốn điều lệ	1,005	1,005	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	11.5	12.7	13.6	9.42	6.74
Giá vốn hàng bán	8.99	8.53	8.28	6.62	5.03
Lợi nhuận gộp	2.48	4.18	5.35	2.80	1.71
Doanh thu HĐTC	81.8	94.9	71.4	115	92.8
Chi phí TC	64.5	65.7	62.4	70.7	65.7
Chi phí lãi vay	63.8	65.5	61.7	68.9	64.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.22	0.19	0.61	0.01	0.00
Chi phí QLDN	2.91	3.64	3.25	7.08	2.56
LN thuần từ HĐKD	16.7	29.5	10.5	40.1	26.2
Lợi nhuận khác	-14.8	-20.0	-9.42	-34.7	-28.7
LN trước thuế	1.84	9.50	1.06	5.34	-2.52
Lợi nhuận sau thuế	0.19	0.40	0.05	0.05	0.70
LNST của CĐ cty mẹ	0.44	0.37	0.12	0.11	1.43

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-346	22.6	-148	-205	-230
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	182	78.1	47.0	281	124
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	146	-74.3	95.0	-78.0	113
Tiền đầu kỳ	24.5	6.76	33.1	27.3	25.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-17.8**	**26.4**	**-5.85**	**-2.03**	**6.75**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.76	33.1	27.3	25.3	32.0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic